

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS - PT  
Ngày: 28- 5 - 2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Ngôn Ngọc Viên

*Các Thẩm phán:* Bà: Nguyễn Thị Như.

Ông: Nông Hà Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:** Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLPT - DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B, sinh năm 1981; địa chỉ: Khau Gạm, Z, Huyện H, Cao Bằng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: Pò Có, Y, Huyện K, Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Vương Bá E, Luật sư văn phòng luật sư Vương Bá E - Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Pò Có, Y, Huyện K, Cao Bằng. *Có mặt.*

- *Người làm chứng:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1987; trú tại Minh Khai, Z, Huyện H, Cao Bằng. *Có mặt.*

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hoàng Văn D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Lê Thị B trình bày như sau:* Anh Hoàng Văn D có lấy hàng các loại thức ăn chăn nuôi gia súc tại cửa hàng của tôi với số tiền là 919.860.000 đồng. D đã thanh toán được 555.555.000 đồng. Đến thời điểm 17/9/2017, D còn nợ tôi 364.305.000 đồng, kế toán của tôi đã gọi điện để anh D trả nợ nhưng D không trả.

Sau đó, vợ chồng tôi gặp D 02 lần trao đổi và đối chiếu các loại sổ sách chứng từ, hóa đơn mua hàng đều trùng khớp với số tiền 364.305.000 đồng.

- Từ tháng 10/2017 đến 02/01/2018, D đã thanh toán nợ cho tôi 50.000.000 đồng, còn 314.305.000 đồng, viết giấy hẹn ngày 12/02/2018 sẽ trả tôi 100.000.000 đồng; số còn lại sẽ trả hết trong năm, khi hết hạn trả nợ D mới chỉ trả nợ được 70.000.000 đồng.

- Tiếp đến ngày 08/5/2018 đến 28/12/2018 D trả tôi 95.000.000 đồng, số còn lại hẹn 01/02/2019 sẽ thanh toán hết. Khi đối chiếu lại giấy tờ chứng từ D chỉ trả tôi 30.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 29/7/2020 khi được Thẩm phán đối chiếu, so sánh tất cả các mã hàng phát hiện sót 1 mã 10.000.000 đồng D chuyển khoản qua ngân hàng Agribank ngày 22/6/2018 tôi chưa cộng vào.

Số nợ còn lại là 109.305.000 đồng D không thanh toán, còn có thái độ gây gổ thách thức đối với gia đình tôi, cố tình chây ỳ không trả.

Nay tôi yêu cầu D phải thanh toán tiền mua hàng thức ăn chăn nuôi gia súc tại cửa hàng của tôi, số tiền nợ là 109.305.000 đồng và trả lãi chậm trả mức 9%/năm. Thời điểm tính lãi từ tháng 3/2019 đến ngày xét xử hôm nay là 28/01/2021.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hoàng Văn D trình bày như sau:* Tôi mua hàng với chị Lê Thị B ở Z, huyện H, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/9/2015 đến tháng 3 năm 2017 với số tiền hàng là gần 01 tỷ đồng, tôi đã trả hết cho chị B, cả chuyển khoản với thanh toán tiền mặt cho lái xe chị B đầy đủ. Trong thời gian qua, chị B cũng đã làm đơn tố giác tôi ra Công an huyện H, tôi đã nộp các giấy tờ hóa đơn lên Công an huyện H, cơ quan Công an huyện H đã điều tra làm rõ. Các hóa đơn chị B cung cấp là không đúng, vì tôi không được ký. Nay chị B yêu cầu tôi trả tiền hàng tôi không đồng ý vì tôi đã trả đầy đủ số tiền nợ mua hàng và yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

*\* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Vương Bá E trình bày:* Xác minh số tiền 04 lần trả, vì anh D đã trả một phần, còn nợ 109.305.000 đồng. Do không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H mới không khởi tố vụ án hình sự, nay chị B yêu cầu giải quyết vụ án dân sự, anh D còn nợ thì phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho chị B. Việc anh D trình bày qua các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay những căn cứ anh D đưa ra là không có căn cứ chứng minh là đã thanh toán hết số nợ là 109.305.000 đồng vì sổ sách cửa hàng của chị B có kế toán hành tự sổ sách theo đúng quy định của pháp luật.

Do anh D nại ra nhiều lý do không trả là để trốn tránh trách nhiệm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị B, áp dụng Điều 351, 366, 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc anh D phải có trách nhiệm trả tiền hàng là 109.305.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả.

*\* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N trình bày:* Tôi là vợ của anh D, tôi có biết việc làm ăn buôn bán giữa chồng tôi và chị Lê Thị B ở Khau Gạm, Z, Huyện H, Cao Bằng. Có lần khi người của cửa hàng của chị B đến giao hàng mà chồng tôi không ở nhà thì tôi có được ký nhận hàng. Theo tôi được biết, các khoản nợ chồng tôi đã trả hết cho chị B, các mã hàng mà chữ ký người nhận không phải của chồng tôi hoặc của tôi thì chúng tôi không có trách nhiệm phải trả. Do vậy, chúng tôi không nhất trí trả số tiền 109.305.000 đồng và lãi theo yêu cầu của chị B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 351, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

Buộc anh Hoàng Văn D có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị B nợ gốc số tiền 109.305.000 đồng và 18.773.116 đồng tiền lãi chậm trả. Tổng hai khoản là 128.078.116 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm cũng tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/02/2021, bị đơn Hoàng Văn D có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hoàng Văn D giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Nội dung bản án trái với nội dung thông báo số 25 ngày 18/07/2019 và quyết định số 20 ngày 18/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H, tỉnh Cao Bằng, vì các văn bản đó đều có nội dung "không khởi tố vụ án vì không có sự việc phạm tội", do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị B giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – luật sư Vương Bá E giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện K.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung và căn cứ giải quyết: Kháng cáo của Hoàng Văn D là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng:*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ tranh chấp:** Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn Lê Thị B và bị đơn Hoàng Văn D là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" là có căn cứ và đúng pháp luật.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn Hoàng Văn D cư trú tại thị trấn Huyện K, huyện K, tỉnh Cao Bằng nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**[3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo.**

Ngày 28/01/2021 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST. Ngày 17/02/2021 bị đơn Hoàng Văn D có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án. HĐXX nhận thấy, ngày nộp đơn kháng cáo đã quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, tuy nhiên đơn gửi đến Tòa án vào ngày 17/02/2021 (tức mừng 6 tết âm lịch) là ngày đầu tiên đi làm. Như vậy, đơn kháng cáo hợp lệ. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

**[4] Xét yêu cầu kháng cáo và nội dung đơn kháng cáo.**

Yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng, bởi lẽ tại quyết định số 20 ngày 18/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H, tỉnh Cao Bằng đã ghi nhận "không khởi tố vụ án vì không có sự việc phạm tội".

***HĐXX xét thấy:***

*Về nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm:* Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, các tài liệu có trong hồ sơ, giấy nhận nợ do anh Hoàng Văn D tự viết và ký ngày 17/9/2017, đã khẳng định được rằng trong khoảng thời gian từ ngày 02/9/2015 đến tháng 3 năm 2017, anh Hoàng Văn D, sinh năm 1984; trú tại Pò Có, Y, Huyện K, Cao Bằng có mua các loại hàng hóa là thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của chị Lê Thị B, sinh năm 1981; trú tại Khau Gạm, Z, Huyện H, Cao Bằng với số tiền là 919.860.000 đồng. Đến thời điểm ngày 17/9/2017, D còn nợ 364.305.000 đồng (được thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 17/9/2017 do bị đơn Hoàng Văn D đã thừa nhận tự viết và ký). Sau đó, vợ chồng chị B đã gặp anh D 02 lần trao đổi và đối chiếu các loại sổ sách chứng từ, hóa đơn mua hàng đều trùng khớp với số tiền 364.305.000 đồng.

- Từ tháng 10/2017 đến 02/01/2018 anh D đã thanh toán nợ được 50.000.000 đồng, còn 314.305.000 đồng, viết giấy hẹn ngày 12/02/2018 sẽ trả 100.000.000 đồng; số còn lại sẽ trả hết trong năm, khi hết hạn trả nợ anh D mới chỉ trả nợ được 70.000.000 đồng.

- Tiếp đến trong thời gian từ ngày 08/5/2018 đến 28/12/2018 D trả cho chị B được 95.000.000 đồng, số còn lại hạn 01/02/2019 sẽ thanh toán hết. Khi đối chiếu lại giấy tờ chứng từ anh D chỉ trả được 30.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 29/7/2020 khi được Thẩm phán đối chiếu, so sánh tất cả các mã hàng phát hiện sót 1 mã 10.000.000 đồng D chuyển khoản qua ngân hàng Agribank ngày 22/6/2018 nhưng chị B chưa cộng vào. Số nợ còn lại là 109.305.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm bị đơn Hoàng Văn D cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn, cho rằng một số hóa đơn nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là không đúng, vì anh không được ký vào hóa đơn đó, các chữ ký đó là người khác ký. Nhưng thực tế các hóa đơn mua hàng mà bị đơn cho rằng không phải chữ ký của mình đều ký nhận trước thời điểm bị đơn tự viết và ký giấy nhận nợ, giấy hạn trả nợ ngày 17/9/2017 và 02/01/2018. Như vậy lời khai của bị đơn không hợp lý bởi lẽ số tiền chốt nợ từ các hóa đơn tại giấy nhận nợ anh D tự viết là 364.305.000 đồng. Mặt khác bị đơn cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn, nhưng căn cứ trên các tài liệu do các đương sự cung cấp chỉ chứng minh được anh D đã trả 205.000.000đ cho chị B. Do đó Tòa án sơ chấp nhận yêu cầu chị B, buộc anh D phải trả cho chị B số tiền 109.305.000 cộng với tiền lãi của số tiền trên từ tháng 03/2019, lãi Suất 9% là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

*Về căn cứ kháng cáo:* Sau khi xét xử sơ thẩm anh D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng, vì anh D cho rằng tại quyết định số 20 ngày 18/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H, tỉnh Cao Bằng đã ghi nhận "không khởi tố vụ án vì không có sự việc phạm tội". HĐXX phúc thẩm nhận thấy lý do kháng cáo của anh Hoàng Văn D hoàn toàn không có căn cứ, bởi lẽ quyết định số 20 ngày 18/7/2019 chỉ chứng minh rằng hành vi nợ tiền không trả của anh D không có dấu hiệu của tội phạm lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự 2015, còn yêu cầu anh D trả nợ chị B mà Tòa án nhân dân huyện K đã giải quyết thuộc vụ việc dân sự. Như vậy, sau khi không có dấu hiệu phạm tội hình sự thì Tòa án thụ lý áp dụng các quy định của bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Xét thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **[5] Về án phí:**

Kháng cáo của anh Hoàng Văn D không được chấp nhận nên anh D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;  
- Áp dụng Điều 351, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015  
- Áp dụng Điều 144, 147, 148, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;  
- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác đơn kháng cáo của anh Hoàng Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

Buộc anh Hoàng Văn D có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị B nợ gốc số tiền 109.305.000 đồng và 18.773.116 đồng tiền lãi chậm trả. Tổng hai khoản là 128.078.116 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn D phải chịu 6.403.905 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Ngoài ra anh D còn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận anh D đã nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số AA/2018/0002386 ngày 22/02/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Trả lại cho chị Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí 5.965.000 đồng mà chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai AA/2018/0002227 ngày 04/12/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS Huyện K, Cao Bằng;
- TAND huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngôn Ngọc Viên**